TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày 18 tháng 01 năm 2024
"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Ông Đặng Văn Hưng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 21/12/2023 và ngày 18/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14314/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên toà số 296/2024/TB-TA ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm V, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Quách Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm V, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Chu Thành N, Luật sư Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Anh D; Luật sư, Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Hạt Kiểm lâm huyện L, tỉnh Hòa Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Quách Văn D1; vắng mặt ngày 21/12/2023, có mặt ngày 18/01/2024.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1:* Bà Quách Thị Q, sinh năm 1970; có mặt.

5. Bà Bùi Thị L; vắng mặt.

6. Ông Quách Văn M; vắng mặt.

7. Anh Quách Thành C; vắng mặt.

8. Chị Quách Thị Trà M1; vắng mặt.

9. Ông Quách Văn C1; vắng mặt.

10. Bà Quách Thị L1; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Xóm V, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông* S *và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C2, bà L1, bà L, anh C, chị Trà M1:* Ông Chu Thành N; Luật sư thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Quách Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn D1 trình bày:*

Năm 1990 gia đình khai phá và sử dụng diện tích đất Lâm nghiệp tại Đ, thuộc xóm V, xã C (nay là xã Q), huyện L, tỉnh Hòa Bình; năm 1998 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) mang tên hộ ông Quách Văn D1, tại thửa số 45 + 48, khoảnh 2, diện tích 62.000m^2; GCNQSDĐ số 208/QĐ/UBND-H1998. Trong quá trình sử dụng đất, năm 1999 gia đình có cho 03 hộ mượn đất để trồng sắn là hộ bà Bùi Thị Ỉ, bà Quách Thị T, ông Quách Văn S. Khoảng 3 đến 4 năm sau gia đình đòi lại đất nhưng chỉ có hộ bà Ỉ và bà T trả, hộ ông S không trả. Năm 2006, thực hiện đo đạc theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, gia đình ông được cấp đổi GCNQSDĐ số B1 165046 mới mang tên Quách Văn D1 thì hai thửa 45 + 48 được gộp lại thành thửa 209, tờ bản đồ 01; diện tích 64.554m^2, loại đất rừng sản xuất. Phần diện tích đất cho gia đình ông S mượn thì gia đình ông S đã kê khai, làm thủ tục cấp GCNQSDĐ; gia đình ông đã nhiều lần đòi nhưng gia đình ông S không trả

với lý do đất đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ nên là đất của gia đình ông S.

Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy GCNQSDĐ của hộ ông Quách Văn S tại thửa đất số 202, tờ bản đồ 01, có diện tích 11.652m^2; địa chỉ tại xóm V, xã C (nay là xã Q), huyện L, tỉnh Hòa Bình, số vào sổ cấp GCN: CH00165 do UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/7/2011 với lý do cấp chồng lấn khoảng 4775,5m^2 diện tích đất của gia đình nguyên đơn đã được cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 02 của Chính phủ. Buộc hộ gia đình ông Quách Văn S trả lại phần diện tích đất trên cho gia đình ông D2.

- Bị đơn ông Quách Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L (vợ ông S) trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì gia đình ông không mượn đất của gia đình bà Q. Diện tích đất mà hộ bà Q khởi kiện có nguồn gốc do bố của ông khai hoang từ những năm 1980, gia đình ông sử dụng liên tục cho đến khi Nhà nước tiến hành đo đạc và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp theo quy định tại Quyết định 672 của Thủ tướng Chính phủ. Diện tích đất lâm nghiệp gia đình ông được cấp GCNQSDĐ là 11.652m^2, thửa số 202, cấp ngày 26/7/2011.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn C3, bà Quách Thị L1, anh Quách Thành C, chị Quách Trà M1 (là bố mẹ và các con ông S), do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của ông S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn M trình bày:

Ông là anh trai ruột của ông S, gia đình ông có diện tích đất lâm nghiệp tại đồi Ớ, đã được cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 02 của Chính phủ, diện tích là 19.000m^2. Khi đo đạc lại theo Quyết định 672 thì gia đình ông đã tách cho gia đình em trai là Quách Văn S một phần diện tích đất; cụ thể: Gia đình ông sử dụng là 8.963m^2, thửa đất số 203; cho gia đình ông S sử dụng 11.652m^2, thửa số 202, đều cấp GCNQSDĐ ngày 26/7/2011. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của gia đình bà Q, gia đình ông không mượn đất của gia đình bà Q, đất đó là của gia đình ông đã tách cho ông S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện L trình bày:

Vụ việc tranh chấp đất lâm nghiệp giữa nguyên đơn và bị đơn nêu trên đã được UBND huyện L rà soát, kiểm tra lại hồ sơ cấp đất và xem xét thực tế sử dụng đất của hai hộ. Hộ gia đình bà Q, ông D2 và hộ gia đình ông M sử dụng đất tại xóm V, xã C trước đây, nay là xã Q đều đã được cấp GCNQSDĐ năm 1998 theo Nghị định số 02 của Chính phủ; năm 2006 đo đạc lại theo Quyết định 672. Theo kết quả đo đạc và cấp GCNQSDĐ thì hộ gia đình bà Q là thửa số 209, diện tích 64.554m^2; hộ ông M tách thành 2 thửa: Thửa số 203 mang tên hộ ông M, diện tích là 8.963m^2; hộ ông S (em trai ông M) thửa số 202 diện tích là 11.652m^2, cấp ngày

26/7/2011. Khi đo đạc theo Quyết định 672 để cấp GCNQSDĐ do không rà soát kỹ nên có sai sót, cấp GCNQSDĐ cho hộ ông S chồng lên diện tích đất hộ gia đình bà Q, ông D1. Việc ông M tự tách bìa cho em trai cũng không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai. Đề nghị Tòa án hủy cả 03 GCNQSDĐ của hộ ông S, ông M và hộ bà Q để cấp lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Q, huyện L trình bày:

Thống nhất như ý kiến trình bày của UBND huyện L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hạt Kiểm lâm huyện L trình bày:

Thời điểm cấp GCNQSDĐ đất theo Nghị định 02 của Chính phủ thì diện tích đất hộ bà Q, ông D1 tại Đ, thuộc khoảnh 45, 48; còn diện tích đất của hộ ông M tại Đ, thuộc khoảnh 46; hai đồi cách nhau bởi rãnh nước tự nhiên, sau đó có việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ theo Quyết định 672 thì có sự thay đổi nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 01/9/2020, ngày 16/5/2022 và ngày 03/11/2022 thì tổng diện tích đất đang tranh chấp là 4.775,5m^2; trong đó: Thửa 218 ghi mã đất ở nông thôn (ONT) là 2.196,5m^2; thửa 209 mã đất RSM là 443,1m^2; thửa 202 mã đất RST là 2.135,9m^2. Trên đất có các cây Keo do hộ ông S trồng đã được 04 năm và một số cây Dổi trồng được gần 01 năm, cây Tre trồng xung quanh đất.

Kết quả định giá: Cây Keo trị giá 20.514.849 đồng; cây Tre trị giá 5.033.000 đồng và cây Dổi trị giá 1.240.000 đồng; tổng cộng là 26.787.849 đồng; đất trị giá 28.653.000 đồng. Tổng trị giá cây và đất là 55.440.849 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 690 Bộ luật Dân sự 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn D1.

Buộc hộ gia đình ông Quách Văn S và bà Bùi Thị L; ông Quách Văn C3, bà Quách Thị L1; anh Quách Thành T1 và chị Quách Trà M1 phải trả cho hộ gia đình bà Quách Thị Q và ông Quách Văn D1 toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm tại Đồi Ràng là 4.132,2m^2.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Q về việc buộc hộ ông Quách Văn S phải trả diện tích đất hiện gia đình ông S đang trồng cây Dổi 643,3m^2 (Vị trí, tứ cận theo Bản Trích đo số 1194 - 2020 ngày 04/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Hòa Bình).

Trong thời hạn 06 (sáu) tháng, ông Quách Văn S phải thu hoạch hoặc di dời

toàn bộ tài sản trên đất là số cây Tre, cây Keo để trả lại đất cho hộ bà Quách Thị Q, ông Quách Văn D1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00165 do UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/7/2011 cho hộ ông Quách Văn S và bà Bùi Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00053 ngày 26/7/2011 cho hộ ông Quách Văn D1 và bà Quách Thị Q để Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kê khai, đăng ký sử dụng đất, quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2023, bị đơn ông Quách Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn có kháng cáo vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Quách Thị Q trình bày: Bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng nên bà không kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa ngày 21/12/2023, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quyết định của bản án sơ thẩm buộc hộ gia đình ông S phải trả lại cho hộ gia đình bà Q 4.132,2m^2 đất nhưng sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm không xác định phần diện tích đất này có mốc giới như thế nào, dẫn đến sẽ không thi hành án được nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tạm ngừng phiên toà.

Sau khi tạm ngừng phiên toà, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có văn bản gửi và các cơ quan có thẩm quyền thuộc UBND huyện L, tỉnh Hoà Bình bổ sung và gửi bản sơ đồ xác định rõ ranh giới, vị trí phần diện tích đất 4.132,2m^2 mà bản án sơ thẩm buộc gia đình ông Quách Văn S trả lại cho gia đình bà Quách Thị Q.

- Ngày 18/01/2024, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

- Bà Quách Thị Q giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không bổ sung gì thêm; ông Quách Văn D1 nhất trí như ý kiến của bà Q, không trình bày bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định. Kháng cáo của nguyên đơn ông Quách Văn S là trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà người kháng cáo vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền của người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, UBND huyện L, tỉnh Hoà Bình bổ sung và gửi bản sơ đồ ghi rõ các điểm mốc giới phần diện tích đất 4.132,2m^2 mà bản án sơ thẩm buộc gia đình ông S trả lại cho gia đình bà Q. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Quách Văn S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Quách Văn S là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt nguyên đơn không kháng cáo; bị đơn có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền vắng mặt trong các ngày mở phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của bị đơn ông Quách Văn S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về xác định quyền sử dụng diện tích 4.775,5m^2 đất tại Đ, địa chỉ xóm V, xã C (nay là xã Q), huyện L, tỉnh Hòa Bình:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có căn cứ xác định: Hộ gia đình ông D1, bà Q và hộ gia đình ông M đều được cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp theo Nghị định 02 của Chính phủ năm 1998. GCNQSDĐ hộ bà Q mang tên Quách Văn D1 tại thửa số 45, 48, diện tích 62.000m^2 thuộc Đồi Ràng; hộ ông Quách Văn M là anh trai của ông Quách Văn S được cấp GCNQSDĐ tại thửa 47, diện tích 19.000m^2, thuộc Đồi Ớp. Đồi R và Đồi Ớ cách nhau bởi một rãnh nước tự nhiên,

đây là ranh giới đất lâm nghiệp giữa hộ ông M và hộ ông D1.

Năm 2007, khi đo đạc theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ thì hộ gia đình ông M đã tách cho ông S (em trai) một phần đất; khi kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì hộ ông S đã kê khai cả phần diện tích đất ở Đ Ràng là phần đất đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D1, bà Q. UBND huyện L tiến hành các thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông S nhưng không xem xét nguồn gốc, ranh giới đất được giao theo Nghị định 02 nên đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông S chồng lấn lên diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D1, bà Q là không đúng ranh giới, không đúng đối tượng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông D1, bà Q.

Bà Q, ông D1 trình bày phần diện tích đất hộ ông S đang sử dụng là đất của gia đình ông bà cho gia đình ông S mượn trồng cây Sắn nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tuy nhiên, xét thấy GCNQSDĐ của hộ gia đình ông D1, bà Q được cấp theo Nghị định số 02 có vị trí là ở Đ, phù hợp với bản đồ giao đất, giao rừng, phù hợp lời trình bày của UBND xã Q, trình bày của UBND huyện L và trình bày của Hạt Kiểm lâm huyện L và GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình ông D1, bà Q chưa bị Nhà nước thu hồi nên việc hộ gia đình ông S sử dụng phần diện tích đất đã cấp trong GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông D1, bà Q là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông D1, bà Q.

Mặt khác, theo GCNQSDĐ, sổ mục kê và bản đồ giao đất giao rừng của hộ ông M thì đất giao cho hộ ông M (anh trai ông S) có vị trí là ở vị trí Đồi Ớp; tại hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ theo Quyết định 672 của Chính phủ thì ông Quách Văn S cũng ghi diện tích đất đề nghị cấp GCNQSDĐ có vị trí là ở Đ, không phải tại Đ; trong khi phần diện tích đất tranh chấp hộ gia đình ông S đang quản lý, sử dụng có vị trí là tại Đồi R.

Bị đơn ông Quách Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, ông C3, bà L1, anh T1, chị M2, bà L trình bày cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông C3 (bố của ông S) sử dụng liên tục từ năm 1980 đến nay nhưng không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của cấp sơ thẩm thực hiện thì tổng diện tích đất tranh chấp là 4.775,5m^2; trong đó thửa 209 là 443,1m^2; thửa 218 là 2.196,5m^2; thửa 202 là 2.135,9m^2. Theo Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 23/5/2023 của UBND huyện L thì trong tổng số 4.775,5m^2, có 643,3m^2 hiện nay gia đình ông S đang trồng cây Dổi, phần diện tích đất trồng cây Dổi này không thuộc Đồi R1, hộ gia đình ông D1, bà Q cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng đất, chưa được cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất này; đối với số diện tích đất còn lại tại Đồi R mà gia đình ông S đang trồng cây

Keo là đất của hộ gia đình ông D1, bà Q1 được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng hợp pháp theo Nghị định 02 của Chính phủ. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc hộ gia đình ông S phải trả diện tích đất 4.132,2m^2, không chấp nhận yêu cầu buộc hộ gia đình ông S trả phần diện tích đất 643,3m^2 hiện nay hộ gia đình ông S đang trồng cây Dổi và buộc hộ gia đình ông S phải thu hoạch hoặc di dời tài sản trên đất để giao đất cho hộ bà Q là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về tính hợp pháp của GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH00165 ngày 26/7/2011 cấp cho hộ ông Quách Văn S, bà Bùi Thị L và GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH00053 ngày 26/7/2011 cấp cho hộ ông Quách Văn D1, bà Quách Thị Q của UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Như đã phân tích tại mục [2.1], có cơ sở kết luận việc UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH00165, ngày 26/7/2011 cho hộ ông Quách Văn S, bà Bùi Thị L là không đúng ranh giới, không đúng đối tượng, cấp trồng lấn lên phần diện tích đất hộ ông D1, bà Q đã được cấp GCNQSDĐ ở Đ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D1, bà Q. UBND huyện L trình bày thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Quách Văn D1 và hộ ông Quách Văn S có sai sót khi đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 26/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH00165 ngày 26/7/2011 cấp cho hộ ông Quách Văn S, bà Bùi Thị L và huỷ GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH00053 ngày 26/7/2011 cấp cho hộ ông Quách Văn D1, bà Quách Thị Q của UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình là có căn cứ pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Quách Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng bổ sung sơ đồ thể hiện ranh giới, vị trí phần diện tích đất 4.132,2m^2 buộc gia đình ông Quách Văn S trả lại cho gia đình bà Quách Thị Q kèm theo bản án phúc thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Quách Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Quách Văn S; giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

2. Về án phí: Ông Quách Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001058 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hoà Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là sơ đồ ranh giới, vị trí phần diện tích đất 4.132,2m^2 thuộc thửa đất số 405 hiện trạng đang trồng cây Keo, tại Đ, thuộc xóm V, xã C, nay là xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình *buộc gia đình ông* Quách Văn S *trả lại cho gia đình bà* Quách Thị Q*).*

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hoà Bình;*
- *VKSND tỉnh Hoà Bình;*
- *Cục THADS Hoà Bình;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, VP, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng